

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**

Bản án số: 27/2019/DS-ST

Ngày: 09/10/2019

V/v: Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Trung Toàn

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trịnh Duy Phước

2. Bà Võ Thị Thanh Hương

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Chung, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 36/2019/TLST-DS ngày 13 tháng 5 năm 2019 “*V/v tranh chấp về hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2019/QĐXX-ST ngày 27/8/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị L, sinh năm 1965; Địa chỉ: Tổ M, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt

- Bị đơn: Bà Lưu Thị B, sinh năm 1978; Địa chỉ: Tổ C (Trước đây là Tổ M), phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án nhân dân thị xã A, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Phạm Thị L trình bày: Vì chỗ quen biết, thân thiết với nhau nên bà L có cho bà Lưu Thị B vay số tiền 100.000.000đ để giải quyết công việc gia đình, thời hạn vay là 06 tháng. Sau đó, hai bên có đến Văn phòng công chứng A tại số 50 đường P, thị xã A, tỉnh Gia Lai để chứng nhận Văn bản thỏa thuận mượn tiền vào ngày 02/3/2018. Về phần lãi, hai bên chỉ thỏa thuận miệng với nhau là lãi suất 5%/ tháng trên số tiền vay chứ không ghi vào văn bản. Mặc dù thỏa thuận lãi suất 5%/ tháng đối với số tiền 100.000.000đ nhưng bà B không trả lãi như đã thỏa thuận. Nhiều lần bà L yêu cầu trả lãi thì bà B có trả một lần được 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*) rồi không trả nữa. Khi đến hạn thanh toán số tiền

gốc bà L nhiều lần yêu cầu trả nhưng bà B hện mà không trả số tiền gốc và lãi đã vay. Bà L khởi kiện tại Tòa án yêu cầu bà B trả gốc và lãi tổng cộng là 170.000.000đ trừ 10.000.000đ bà B đã trả trước đó còn lại bà B phải trả số tiền 160.000.000đ cho bà L. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bà L rút một phần yêu cầu khởi kiện về khoản lãi 60.000.000đ, bà L chỉ yêu cầu bà B trả số tiền gốc 100.000.000đ đã vay theo Văn bản thỏa thuận mượn tiền đã được Văn phòng công chứng A công chứng vào ngày 02/3/2018.

Bị đơn: Bà Lưu Thị B, Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, triệu tập hòa giải, triệu tập để tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do và không có ý kiến phản đối hay giao nộp chứng cứ gì để phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên không có lời khai trong hồ sơ.

* Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có ý kiến: Về thủ tục tố tụng Tòa án nhân dân thị xã A đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền; Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A phát biểu như sau: Tại phiên tòa bà L rút phần yêu cầu lãi 60.000.00đ chỉ yêu cầu bà B trả số tiền 100.000.000đ gốc đã vay, đây là ý kiến tự nguyện của bà L. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn, bà B phải có trách nhiệm trả cho bà Phạm Thị L số tiền còn nợ là 100.000.000đ. Về án phí: Buộc bị đơn phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là có căn cứ đúng pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; xem xét ý kiến trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, người làm chứng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bà Phạm Thị L khởi kiện bà Lưu Thị B, trú tại Tổ C (Trước đây là Tổ M), phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai, để yêu cầu phải trả số tiền đã vay. Theo quy định tại Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân thị xã A thụ lý giải quyết vụ án dân sự nói trên là đúng thẩm quyền.

[2]. Về áp dụng pháp luật: Các bên đương sự đã xác lập giao dịch dân sự sau ngày Bộ luật dân sự 2015 có hiệu lực nên áp dụng Bộ luật dân sự 2015 để giải quyết.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện: Theo yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị L và chứng cứ là “Văn bản thỏa thuận mượn tiền” số công chứng 323 quyền số 01/TP-CC-SCC/HĐGD được Văn phòng Công chứng A tỉnh Gia Lai chứng nhận ngày 02/3/2018 do nguyên đơn cung cấp thì thể hiện bà Lưu Thị B có vay của bà Phạm Thị L số tiền 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*) là có thật. Trong quá trình giải

quyết vụ án bị đơn Lưu Thị B không có ý kiến phản đối hay giao nộp chứng cứ gì để phản bác yêu cầu khởi kiện, vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có cơ sở chấp nhận, phù hợp theo quy định tại các Điều 463, Điều 466, Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[4]. Về khoản lãi phát sinh. Trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Phạm Thị L đã rút yêu cầu về khoản lãi, không yêu cầu tính lãi của số tiền trên mà chỉ yêu cầu bị đơn bà Lưu Thị B phải trả số tiền gốc còn nợ là 100.000.000đ. Xét, lời trình bày của nguyên đơn là tự nguyện nên Hội đồng xét xử không xem xét khoản tiền lãi phát sinh. Về số tiền lãi bà B đã trả 10.000.000đ cho bà L, cả hai bên đã thỏa thuận với nhau. Từ khi thụ lý đến khi giải quyết vụ án bị đơn không có ý kiến gì về khoản lãi đã trả nên không xem xét.

[5]. Về án phí: Mức án phí có giá ngạch trong vụ án là 5% của giá trị tranh chấp. Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí thì bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền được Tòa án chấp nhận là 100.000.000đ nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 5.000.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 463, Điều 466, Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015;
- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị L.
- Buộc bị đơn bà Lưu Thị B phải trả cho bà Phạm Thị L số tiền còn nợ là 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án không chịu thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng còn phải trả khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất theo các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trường hợp không thỏa thuận được thì mức lãi suất chậm trả được thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

- Về án phí: Buộc bà Lưu Thị B phải chịu số tiền là 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Phạm Thị L số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 4.000.000đ (*Bốn triệu đồng*) theo biên lai số: 0007308 ngày 13/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã A.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai
- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS TX A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Trung Toàn

